

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2023/HS-ST  
Ngày: 14-7-2023

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Ngọc Thạch.

*Thẩm phán:* Ông Trương Văn Lộc.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Đình Tiếp;

Bà Trần Thị Đẹp;

Bà Nguyễn Ngọc Xuyên.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tường Vy – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:**  
Bà Hoàng Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 43/2023/TLST-HS ngày 10 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2023/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 6 năm 2023 đối với bị cáo:

Phạm Văn T sinh năm 1987, tại tỉnh Hà Tĩnh; đăng ký thường trú: xóm A, xã G, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T1 (chết) và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1956; tiền án: không, tiền sự: không; bị cáo có vợ tên Trần Thị Thu H1; sinh năm 1988 và có 02 người con (lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2010), ngày 19/02/2022 bị tạm giữ, tạm giam cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*Người bào chữa cho bị cáo:* Bà Trần Thị Hải Y Luật sư Văn phòng luật sư Phạm Thiên T2, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B, có mặt.

**2.2 Bị hại:** Ông Phạm Văn T3; sinh năm: 1992; nơi cư trú: thôn A, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

Bị tạm giam trong một vụ án khác, vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

**2.3 Người làm chứng:**

1/ Ông Nguyễn Doãn N, sinh năm 1983; vắng mặt.

2/ Ông Văn C, sinh năm 1995; vắng mặt.

3/ Bà Nguyễn Thị T4, sinh năm 1983; vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

4/ Ông Trần Văn S, sinh năm 1978; vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: khoảng 18 giờ 30 ngày 18/02/2022, Phạm Văn T đi đến phòng trọ số 5, ở số B, đường B, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương của ông Nguyễn Doãn N chơi. Tại phòng trọ số E, T uống rượu cùng ông N và ông Văn C.

Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, ông Phạm Văn T3 đến đứng trước cửa phòng trọ số 5 của ông N nói “tao không ưa mày lâu rồi”. Ông N không trả lời, còn T hỏi “mày muốn gì”, T3 và T thách thức đánh nhau. Ông C can ngăn nên ông T3 bỏ đi. T đi vệ sinh nhìn thấy trong khu vực bếp của phòng trọ có 01 dao dài khoảng 26cm, bản rộng khoảng 05cm, mũi dao nhọn, cán bằng gỗ. T nhớ lại việc bị anh T3 thách thức nên lấy và cật dao vào lưng quần bên phải, ở phía sau người và đi ra phía trước cổng trọ để tìm ông T3 nhưng không thấy. Đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, T quay trở vào dãy trọ thì thấy ông T3 tại lối đi chung trước phòng trọ số 2, T dùng tay phải lấy con dao trong lưng quần đâm 01 nhát trúng vào bụng phía bên phải của ông T3. T và ông T3 giằng co, xô đẩy nhau làm T ngã xuống nền hành lang. T3 dùng tay đánh 01 cái trúng vào mặt T, T đẩy T3 ngã xuống và T cầm dao tiếp tục đâm 01 nhát trúng vào cổ trái của ông T3. Ông T3 đẩy T ra và bỏ chạy. Trong lúc bỏ chạy ông T3 nhìn thấy trên thùng xốp ở gần đó có 01 dao chặt đá, bản rộng lưỡi hình răng cưa, dài khoảng 34cm, cán bằng kim loại nên cầm dao chặt đá chém 04 nhát trúng vào vùng ngực, bụng, cẳng tay trái của T.

Ông T3 và T được người dân đưa đến bệnh viện cấp cứu, điều trị. Ngày 19/02/2022, T bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T, tỉnh Bình Dương ra lệnh giữ, bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp. Quá trình điều tra, T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 187/2022/GĐPY ngày 21/3/2022 của Trung tâm Pháp y tỉnh B đối với Phạm Văn T3, kết luận:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Vết thương vùng cổ trước trái (4 x 0,3)cm, sẹo lành.

- Vết thương vùng bụng phải trên rốn (5 x 0,2)cm, thấu bụng, thủng gan hạ phân thủy III, IVB, đã phẫu thuật khâu gan.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 36% (ba mươi sáu phần trăm).

3. Cơ chế hình thành thương tích:

- Vết thương vùng cổ trước trái: chiều từ trên xuống, hướng từ trước ra sau, bờ sắc gọn, khả năng do vật sắc gây ra.

- Vết thương vùng bụng phải trên rốn, thấu bụng thủng gan hạ phân thủy III, IVB: chiều nằm ngang, hướng từ trước ra sau, bờ sắc gọn, khả năng do vật sắc nhọn gây ra (bút lục số 78).

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 444/2022/GĐPY ngày 20/6/2022 của Trung tâm Pháp y tỉnh B đối với Phạm Văn T, kết luận:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Chấn thương sùng nề vùng hàm mặt trái, cằm tay trái đã lành.

- 03 vết thương vùng giữa ngực lệch phải, mỗi vết đường kính (0,8 x 0,5)cm, sẹo lành.

- 03 vết thương hạ sườn phải (2 x 0,2)cm, (0,9 x 0,2)cm và (0,5 x 0,2)cm, sẹo lành.

- 03 vết thương bụng trái ngang rốn (0,4 x 0,1)cm, (0,8 x 0,2)cm, (0,6 x 0,2)cm, sẹo lành.

- 04 vết thương xước da mặt sau cằm tay trái mỗi vết khoảng (0,4 x 0,2)cm, lành da.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 10% (mười phần trăm).

3. Kết luận khác

Cơ chế hình thành thương tích:

- Chấn thương sùng nề vùng hàm mặt trái, cằm tay trái đã lành, hiện tại không còn dấu tích nên không xác định được cơ chế hình thành thương tích.

- 03 vết thương vùng giữa ngực lệch phải, 03 vết thương hạ sườn phải, 03 vết thương bụng trái ngang rốn: chiều nằm ngang, hướng từ trước ra sau, bờ tương đối gọn.

- 04 vết thương xước da mặt sau cằm tay trái 1/3 giữa: các sẹo dạng đốm hình bầu dục, cách nhau khoảng 1,5cm nằm thẳng hàng, bờ tương đối gọn.

Các vết thương này khả năng do vật nhọn hoặc vật sắc nhọn gây ra, có thể có mũi nhọn hoặc nhiều mũi nhọn cách đều nhau (ví dụ: dao chặt đá, lưỡi cưa ...) (bút lục số 82-83).

Tại Bản kết luận giám định số: 01/KL-KTHS(SV) ngày 18/01/2023 của Phòng K Công an tỉnh B, kết luận:

1. Trên 01 (một) con dao bằng kim loại dài 26cm, mũi nhọn được niêm phong gửi đến giám định, có bầm dính máu của một người nam giới, không phân tích được đầy đủ kiểu gen (ADN) của người nam giới này do dấu vết kém.

2. Trên 01 (một) con dao bằng kim loại dài 34cm có lưỡi hình răng cưa, được niêm phong gửi đến giám định, tìm không có máu người.

Tại Công văn số 27/CV-PY của Trung tâm Pháp y tỉnh B về việc đánh giá tình trạng thương tích của Phạm Văn T3, cho phép nhận định: trường hợp thương tích của bị hại Phạm Văn T3 nếu không điều trị, cấp cứu kịp thời, khả năng sẽ gây nguy hiểm đến tính mạng (bút lục số 204).

Đối với Phạm Văn T bị Phạm Văn T3 dùng dao chém 04 nhát trúng vào vùng ngực, bụng, cẳng tay trái, tỷ lệ thương tích 10%, T có đơn không yêu cầu khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can nên không xem xét xử lý.

Việc thu giữ đồ vật:

- 01 dao bằng kim loại dài khoảng 34cm, lưỡi bằng kim loại hình răng cưa, cán bằng kim loại;

- 01 dao bằng kim loại dài khoảng 26cm, lưỡi dao bằng kim loại bản rộng khoảng 05cm, cán dao bằng gỗ dài khoảng 11cm.

\* Về trách nhiệm dân sự và biện pháp tư pháp:

- Bị hại Phạm Văn T3 yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) chi phí điều trị thương tích.

Căn cứ quy định các Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 590 Bộ luật Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

+ Tịch thu tiêu hủy 01 dao bằng kim loại dài khoảng 34cm, lưỡi bằng kim loại hình răng cưa, cán bằng kim loại; 01 dao bằng kim loại dài khoảng 26cm, lưỡi dao bằng kim loại bản rộng khoảng 05cm, cán dao bằng gỗ dài khoảng 11cm.

+ Buộc bị cáo T bồi thường chi phí điều trị thương tích cho ông T3.

Tại Cáo trạng số 47/CT-VKS.P2 ngày 07/4/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Phạm Văn T về tội “Giết người” (chưa đạt) theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123; Điều 15 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa: Bị cáo Phạm Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội trong đó có nội dung vẫn giữ nguyên quyết định cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo Phạm Văn T ra trước Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương về tội “Giết người” (chưa đạt) theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123, Điều 15 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo gây ra và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123, Điều 15; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54 và Điều 57 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Phạm Văn T với mức án từ 08 năm đến 09 năm tù. Về trách nhiệm dân sự đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo T bồi thường theo yêu cầu của bị hại số tiền 30.000.000 đồng. Về xử lý vật chứng: đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Phạm Văn T thống nhất với nội dung cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt và bãi nại yêu cầu không khởi tố đối với bị cáo. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có điều kiện sớm trở về với gia đình.

Bị cáo Phạm Văn T không có ý kiến tranh luận và thống nhất với nội dung bào chữa của người bào chữa.

Bị hại Phạm Văn T3 có đơn xét xử vắng mặt và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và yêu cầu bị cáo bồi thường chi phí điều trị 30.000.000 đồng.

Bị cáo nói lời sau cùng: bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm về với gia đình.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an tỉnh B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, luật sư bào chữa cho bị cáo, bị hại không có ý kiến, khiếu nại về hành vi quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Văn T khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đã truy tố đối với bị cáo. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và những tài liệu, chứng cứ

khác có tại hồ sơ. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: giữa bị cáo T và bị hại T3 xảy ra mâu thuẫn trong lúc nói chuyện khi ăn uống nên vào khoảng 20 giờ 30 phút ngày 18/02/2022, tại khu vực lối đi chung trước phòng trọ số 2, 27/24, đường B, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương, bức tức về việc bị ông Phạm Văn T3 thách thức đánh nhau, Phạm Văn T dùng dao đâm 02 nhát trúng vào vùng cổ trái và bụng phải của anh T3, gây thủng bụng, thủng gan hạ phân thủy III, IVB, tỷ lệ thương tích là 36% (ba mươi sáu phần trăm). Hành vi của bị cáo T đủ yếu tố cấu thành tội “Giết người” với tình tiết định khung “Có tính chất côn đồ”. Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo về tội danh và điều luật như trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo Phạm Văn T là đặc biệt nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội. Về nhận thức, bị cáo biết được hành vi dùng dao là hung khí nguy hiểm, đâm vào vùng trọng yếu trên cơ thể của bị hại, có khả năng tước đoạt mạng sống của bị hại nhưng bị cáo vẫn cố tình thực hiện, bị hại không chết là do được đưa đi cấp cứu kịp thời. Hành vi của bị cáo bất chấp hậu quả xảy ra, thể hiện ý thức xem thường pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo T đã xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe của bị hại T3 được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương, gây tâm lý hoang mang cho người dân sinh sống tại khu vực. Do vậy, cần phải xử phạt bị cáo T mức hình phạt nghiêm khắc nhằm có tác dụng trừng trị, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa, răn đe chung cho xã hội. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: không có.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị hại có đơn xin bãi nại và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo tự nguyện bồi thường theo yêu cầu bị hại, bị hại có một phần lỗi nên áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 và Điều 57 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về phân hình phạt, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về trách nhiệm dân sự: ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo bồi thường theo yêu cầu của bị hại, buộc bị cáo phải bồi thường chi phí điều trị thương tích cho bị hại số tiền 30.000.000 đồng.

[9] Về xử lý vật chứng: đối với 01 dao bằng kim loại dài khoảng 34cm, lưỡi bằng kim loại hình răng cưa, cán bằng kim loại; 01 dao bằng kim loại dài khoảng

26cm, lưỡi dao bằng kim loại bản rộng khoảng 05cm, cán dao bằng gỗ dài khoảng 11cm xét thấy không còn giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy.

[10] Về án phí: Bị cáo Phạm Văn T phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 298, 299, 326, 327, 329, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

#### **1. Về trách nhiệm hình sự:**

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Giết người” (chưa đạt).

Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123, Điều 15; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54 và Điều 57 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/02/2022.

2. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo, buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại Phạm Văn T3 số tiền 30.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Tịch thu tiêu hủy 01 dao bằng kim loại dài khoảng 34cm, lưỡi bằng kim loại hình răng cưa, cán bằng kim loại; 01 dao bằng kim loại dài khoảng 26cm, lưỡi dao bằng kim loại bản rộng khoảng 05cm, cán dao bằng gỗ dài khoảng 11cm.

(Vật chứng đã được chuyển đến Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương theo Quyết định chuyển vật chứng số 30/QĐ-VKSBD.P2 ngày 23/3/2023 và Biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/3/2023).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Phạm Văn T phải nộp 200.000 đồng.
- Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Phạm Văn T phải nộp 1.5000.000 đồng.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.